

CHÍNH SÁCH ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CHO THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Quốc Duy*

267

Tóm tắt

Chính sách đổi mới sáng tạo đóng vai trò quan trọng đến kết quả đổi mới sáng tạo của một địa phương. Dựa trên khảo sát doanh nghiệp Hà Nội bằng phiếu hỏi, phỏng vấn sâu các nhà quản lý doanh nghiệp và chuyên, tổng hợp từ các nguồn dữ liệu thứ cấp gia về thực trạng đổi mới sáng tạo, hạn chế về đổi mới sáng tạo của thành phố Hà Nội đã được phân tích. Chính sách đổi mới sáng tạo thành phố Hà Nội được đề xuất nhằm khắc phục những hạn chế và tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động đổi mới sáng tạo.

Từ khóa: Đổi mới sáng tạo, hệ thống đổi mới sáng tạo, chính sách đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp Hà Nội.

1. Giới thiệu

Đổi mới sáng tạo là một quá trình phức tạp chịu tác động của nhiều yếu tố cả bên trong và bên ngoài doanh nghiệp (Becheikh và cộng sự, 2006; Cavusgil và cộng sự, 2003; Love & Roper, 1999; Bigliardi & Dormio, 2009; Romijn & Albaladejo, 2002; Nguyen, 2015a). Doanh nghiệp không tiến hành đổi mới sáng tạo một cách biệt lập mà tương tác với các tổ chức khác như nhà cung cấp và khách hàng, cơ sở nghiên cứu khoa học và đào tạo, trung gian về khoa học, công nghệ, và nghiên cứu phát triển, cơ quan chính phủ, tổ chức tài chính và nhà đầu tư mạo hiểm, tổ chức và doanh nghiệp nước ngoài (Fagerberg & Godinho, 2004). Bằng chứng thực nghiệm cho thấy tương tác mạng lưới có tác động dương mạnh đến đổi mới sáng tạo. Các chính phủ coi đổi mới sáng tạo là nguồn gốc tạo ra năng lực cạnh tranh và tăng trưởng kinh tế. OECD (1997) đề xuất cách tiếp cận Hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia nhằm cung cấp một công cụ phân tích hữu

ích thực trạng đổi mới sáng tạo của một quốc gia. Hệ thống đổi mới sáng tạo nhấn mạnh dòng chảy tri thức giữa các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức - yếu tố cốt lõi của quá trình đổi mới sáng tạo. Các học giả và chính phủ thường xuất phát từ quan điểm hệ thống đổi mới khi đề xuất chính sách đổi mới sáng tạo và coi phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo là một biện pháp cốt yếu thúc đẩy các hoạt động đổi mới sáng tạo. Bài viết này xuất phát từ quan điểm hệ thống đổi mới sáng tạo để đề xuất chính sách đổi mới sáng tạo cho thành phố Hà Nội. Bài viết được kết cấu như sau. Phần 2 đề cập những nội dung cơ bản của hệ thống đổi mới sáng tạo, phần 3 phân tích những hạn chế về đổi mới sáng tạo của thành phố Hà Nội, phần 4 đề xuất chính sách đổi mới sáng tạo, và cuối cùng là phần kết luận.

2. Hệ thống đổi mới sáng tạo

2.1 Khái niệm

Hệ thống đổi mới sáng tạo bao gồm các chủ thể tham dự với các hoạt động và mối tương tác giữa các chủ thể và với môi trường kinh tế xã hội để tạo ra kết quả đổi mới sáng

* Nguyễn Quốc Duy, Tiến sĩ, Viện Quản trị Kinh doanh, Đại học Kinh tế quốc dân.

tạo (Lundvan, 2007). Lundvan (2007) cho rằng hệ thống đổi mới sáng tạo gồm các yếu tố cấu thành sau:

- Doanh nghiệp đổi mới là đối tượng quan trọng nhất trong hệ thống đổi mới sáng tạo - các quá trình đổi mới sáng tạo diễn ra bên trong các doanh nghiệp và các hoạt động phát triển năng lực.
- Doanh nghiệp tiến hành đổi mới sáng tạo trong mối tương tác với các doanh nghiệp khác và với hạ tầng tri thức bao gồm cả các trường đại học, các viện nghiên cứu.
- Hoạt động đổi mới sáng tạo - loại hình, phương thức, và học hỏi - phụ thuộc vào hệ thống giáo dục quốc gia, thị trường lao động, thị trường tài chính, quyền sở hữu trí

tuệ, cạnh tranh trên các thị trường sản phẩm và hệ thống phúc lợi xã hội.

Theo Lundvan cốt lõi của hệ thống đổi mới sáng tạo gồm yếu tố (i) và (ii) các doanh nghiệp đổi mới và các mối tương tác giữa doanh nghiệp với các doanh nghiệp khác và với hạ tầng tri thức. Yếu tố (iii) quy về yếu tố môi trường của hệ thống đổi mới sáng tạo.

2.2 Các hoạt động của hệ thống đổi mới sáng tạo

Hệ thống đổi mới sáng tạo cần được xem xét thông qua các chức năng của hệ thống hay nói rộng hơn là các hoạt động của hệ thống đổi mới sáng tạo. Các hoạt động chính của hệ thống đổi mới sáng tạo (Borras & Edquist, 2013) bao gồm:

Hộp 1: Hoạt động của hệ thống đổi mới sáng tạo

I. Cung cấp tri thức đầu vào cho quá trình đổi mới sáng tạo

1. Cung cấp các kết quả nghiên cứu-phát triển, sáng tạo tri thức mới, đặc biệt trong các ngành kỹ nghệ, y dược, khoa học tự nhiên.
2. Phát triển năng lực, ví dụ học tập cá nhân thông qua giáo dục đào tạo hoặc học tập tổ chức.

II. Các hoạt động từ cầu

3. Tạo lập thị trường cho các sản phẩm mới (mua sắm công các sản phẩm mới nhằm kích thích và thúc đẩy các hoạt động đổi mới sáng tạo)
4. Xây dựng các tiêu chuẩn chất lượng cho sản phẩm mới xuất phát từ phía cầu.

III. Thiết lập các tổ chức và quy định

5. Thành lập và điều chỉnh các tổ chức cần thiết cho các lĩnh vực mới.
6. Các mối tương tác mạng lưới thông qua cơ chế thị trường và các cơ chế khác.
7. Thiết lập và thay đổi hệ thống các quy định.

IV. Dịch vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo

8. Hoạt động ươm tạo như cung cấp trang thiết bị hoặc hỗ trợ hành chính các nỗ lực đổi mới sáng tạo.
9. Cung cấp tài chính cho quá trình đổi mới sáng tạo và hoạt động khác nhằm hỗ trợ thương mại hóa và áp dụng tri thức.
10. Cung cấp dịch vụ tư vấn như chuyển giao công nghệ, thông tin thương mại, tư vấn pháp lý.

2.3 Sáng tạo tri thức trong hệ thống đổi mới sáng tạo

Các học giả nhấn mạnh giá trị của sáng tạo tri thức trong hệ thống đổi mới sáng tạo. Tri thức mới được sáng tạo thông qua tương tác giữa doanh nghiệp đổi mới với các doanh nghiệp khác và hạ tầng tri thức. Bốn khía cạnh chính của sáng tạo tri thức của một hệ thống (điều chỉnh từ Bathelt và cộng sự, 2004).

- Khía cạnh dọc: các dòng chảy tri thức kế tiếp nhau trong chuỗi giá trị. Bổ xung tri thức cho nhau là nguồn gốc quan trọng nhất của tính liên kết. Các doanh nghiệp chuyên môn hoá trong chuỗi giá trị liên kết với nhau thông qua các mối liên hệ đầu vào-đầu ra và cung cấp kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng qua các hoạt động hỗ trợ.
- Khía cạnh ngang: các dòng chảy tri thức giữa các đối thủ cạnh tranh. Các dòng chảy tri thức xuất hiện thông qua tác động ngoại lai không chủ đích và trong một số trường hợp thông qua các hoạt động hợp tác có chủ đích. Tương tác giúp doanh nghiệp dễ dàng nhận biết động thái của đối thủ cạnh tranh và học hỏi những giải pháp hiệu quả đồng thời kết hợp với sáng tạo của chính doanh nghiệp.
- Khía cạnh thể chế/xã hội: “mạng địa phương”. Mạng địa phương là tác động tri thức ngoại lai có chủ đích hoặc không chủ đích gắn liền với đàm thoại hàng ngày giữa những người sống và làm việc gần gũi nhau. Các giao tiếp trực tiếp hỗ trợ cho:
 - + học hỏi thông qua các cuộc tiếp xúc có tổ chức, chính thức và không chính thức.
 - + áp dụng các nội dung tương tự nhau và tìm hiểu qua lại lẫn nhau về kiến thức và công nghệ mới.

+ những thói quen và thông lệ tương đồng nhau làm cho tương tác và học hỏi lẫn nhau dễ dàng hơn, giảm chi phí giao dịch.

- Khía cạnh bên ngoài: “kênh kết nối với thế giới”. Tiếp cận nguồn tri thức mới không chỉ diễn ra từ tương tác địa phương mà còn thông qua hợp tác chiến lược với các mối liên kết ở phạm vi liên vùng và quốc tế. Trong nhiều trường hợp các luồng kiến thức mới tiếp thu được với khối lượng lớn mang tính chất quyết định thường được tạo ra thông qua các mối liên kết với bên ngoài.

2.4 Các chủ thể và vai trò trong hệ thống đổi mới sáng tạo

Các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo

Schumpeter (1961) coi doanh nghiệp đổi mới là trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo. Năng lực đổi mới của doanh nghiệp như năng lực khoa học-công nghệ bao gồm năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực đổi mới quy trình, năng lực phát triển các ứng dụng mới, năng lực thiết kế mỹ thuật (Christensen, 1995), thái độ của lãnh đạo cấp cao về đổi mới sáng tạo, văn hóa đổi mới sáng tạo, quản trị đổi mới sáng tạo có ý nghĩa rất quan trọng đến kết quả đổi mới sáng tạo.

Các nhà cung cấp và đối thủ cạnh tranh

Các nhà cung cấp trang thiết bị, chuyên gia công nghệ, tri thức, thông tin góp phần quan trọng vào thành công của hoạt động đổi mới sáng tạo. Theo Edquist (2005) các đối thủ cạnh tranh đóng vai trò tạo động lực và kích thích doanh nghiệp tiến hành đổi mới sáng tạo. Những thành tựu khoa học công nghệ đã đạt được trong ngành kích thích doanh nghiệp tiếp tục tiến hành đổi mới sáng tạo để đưa ra các sản phẩm mới ưu việt hơn. Tương tác với các nhà cung cấp và các đối thủ cạnh tranh giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo.

Các tổ chức tài chính và các nhà đầu tư mạo hiểm

Các tổ chức tài chính và các nhà đầu tư mạo hiểm cung cấp các nguồn tài chính cần thiết cho doanh nghiệp đổi mới. Một hệ thống tài chính hiệu quả có tầm quan trọng mang tính chiến lược đối với hệ thống đổi mới sáng tạo. Các tổ chức tài chính không chỉ cung cấp vốn mà còn có vai trò chuyển giao tri thức. Chuyển giao tri thức càng mạnh mẽ hơn khi mức độ kiểm soát càng lớn hơn. Các công ty đầu tư mạo hiểm đặc biệt quan trọng đối với thành công của doanh nghiệp mới. Các nhà đầu tư mạo hiểm thông qua vai trò hướng dẫn và giám sát có ảnh hưởng đến thành công của đổi mới sáng tạo.

Khách hàng

Thị hiếu của khách hàng đặt ra yêu cầu cho quá trình đổi mới sáng tạo và khách hàng truyền tải tri thức đến doanh nghiệp đổi mới. Nhiều nghiên cứu cho thấy khách hàng đóng vai trò truyền tải tri thức thậm chí quan trọng hơn so với nhà cung cấp. Khách hàng tác động đến đổi mới sáng tạo thông qua một số cách thức. Hiểu biết về nhu cầu người sử dụng hỗ trợ cho sáng tạo ra ý tưởng mới; tương tác với người sử dụng giúp tìm kiếm các giải pháp phát triển sản phẩm mới; phản ứng của khách hàng về sản phẩm mới, ví dụ xu hướng sử dụng sản phẩm mới của khách hàng có ảnh hưởng đến yêu cầu đổi mới sáng tạo.

Các cơ sở giáo dục, đào tạo, nghiên cứu

Các trường đại học đóng 2 vai trò trong đổi mới sáng tạo: giáo dục đào tạo và nghiên cứu-phát triển. Các trường đại học phổ biến tri thức khoa học thông qua giáo dục đào tạo và khởi động đổi mới sáng tạo thông qua sáng tạo tri thức mới và phát triển năng lực sáng tạo. Các trường đại học là các tổ chức quan trọng nhất ở khu vực công tiến hành nghiên cứu-phát triển, là đầu tàu trong nghiên cứu cơ bản

(OECD, 2005). Các trường đại học còn tiến hành nghiên cứu ứng dụng thông qua các phát minh, sáng chế, bản quyền, phổ biến thông tin khoa học, thành lập doanh nghiệp công nghệ mới.

Các cơ quan chính phủ

Vai trò của chính phủ được thể hiện thông qua thiết lập các quy định, luật lệ đảm bảo hoạt động và tương tác giữa các chủ thể được tiến hành một cách hiệu quả; ban hành các chính sách khuyến khích đổi mới sáng tạo và tương tác giữa các chủ thể; ban hành các văn bản hướng dẫn giúp các chủ thể tiến hành đổi mới sáng tạo. World Bank (2010) nhấn mạnh một số chức năng của chính sách đổi mới sáng tạo: hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới thông qua các chính sách khuyến khích; tháo gỡ vướng mắc cho các sáng kiến đổi mới sáng tạo; thành lập các tổ chức nghiên cứu đáp ứng nhu cầu đổi mới sáng tạo của nền kinh tế; nâng cao năng lực sáng tạo và năng lực hấp thu tri thức cho xã hội thông qua hệ thống giáo dục đào tạo.

Các trung gian khoa học, công nghệ, nghiên cứu - phát triển

Các trung gian đổi mới sáng tạo bao gồm hiệp hội ngành nghề, cơ quan phát triển kinh tế, phòng thương mại-công nghiệp, công viên khoa học-công nghệ-thương mại, vườn ươm, tổ hợp và mạng lưới nghiên cứu, viện nghiên cứu, công ty chuyển giao công nghệ, văn phòng đại diện, trung tâm đổi mới sáng tạo, tổ chức tiêu chuẩn chất lượng. Các trung gian đổi mới sáng tạo thường liên quan đến nhiều chủ thể trong hệ thống đổi mới sáng tạo. Các trung gian đổi mới sáng tạo là cầu nối tri thức trực tiếp hoặc gián tiếp giữa các chủ thể, phối hợp các mối quan tâm và lợi ích của các chủ thể. Vai trò của trung gian đổi mới sáng tạo còn bao gồm chuyển giao tri thức, khuyến khích đổi mới sáng tạo, các doanh nghiệp vừa

và nhỏ, các doanh nghiệp mới, đào tạo quản lý và kỹ thuật, chia sẻ chi phí từ việc sử dụng chung trang thiết bị, tư vấn về kỹ thuật công nghệ, marketing, bản quyền.

Các đối tác quốc tế

Các đối tác quốc tế bao gồm nhà cung cấp và đối thủ cạnh tranh quốc tế, khách hàng quốc tế, công ty đa quốc gia. Các công ty nước ngoài đóng góp vào chuyển giao tri thức và công nghệ. Các công ty nước ngoài giúp doanh nghiệp trong nước tiếp cận ý tưởng sáng tạo trên phạm vi quốc tế. Các công ty đa quốc gia đóng góp tích cực vào hệ thống đổi mới sáng tạo thông qua các dòng chảy tri thức quốc tế vào trong nước như sáng chế, bản quyền, cấp phép, đầu tư nước ngoài trực tiếp, hợp tác thương mại và nghiên cứu khoa học, các hoạt động sản xuất, thương mại và nghiên cứu-phát triển, cung cấp vốn, kinh nghiệm quản lý, năng lực sáng tạo, kiến thức và bí quyết khoa học-công nghệ.

2.5 Chính sách đổi mới sáng tạo

Chính sách đổi mới sáng tạo tác động đến hoạt động đổi mới sáng tạo thông qua các công cụ chính sách như quyền sở hữu trí tuệ, các quy định về môi trường, an toàn, miễn giảm thuế, quỹ nghiên cứu khoa học cạnh tranh trong khu vực công, hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ, vốn vay ưu đãi cho đổi mới sáng tạo, hợp tác công-tư trong phát triển hạ tầng tri thức (Borras & Edquist, 2013).

Edquist (2001) cho rằng đề xuất chính sách đổi mới sáng tạo (i) cần xuất phát từ hạn chế của hệ thống đổi mới sáng tạo và (ii) các cơ quan chính phủ phải có đủ năng lực để giải quyết được hạn chế. Edquist (2001) gọi hạn chế do các chức năng của hệ thống đổi mới sáng tạo hoạt động không tốt và nguyên nhân của hạn chế là các thất bại hệ thống. Edquist (2001) phân loại thất bại của hệ thống đổi mới sáng tạo thành 4 loại:

- Các chức năng hoặc hoạt động của hệ thống đổi mới sáng tạo không phù hợp hoặc không tồn tại.
- Các chủ thể không phù hợp hoặc không tồn tại.
- Các quy định không phù hợp hoặc không tồn tại.
- Tương tác giữa các yếu tố trong hệ thống đổi mới sáng tạo không phù hợp hoặc không tồn tại.

Quan điểm hệ thống đổi mới sáng tạo được nhiều học giả áp dụng để phân loại vai trò của chính sách đổi mới sáng tạo. Rothwell & Zegveld (1981) phân loại công cụ chính sách đổi mới sáng tạo thành 3 nhóm: nhóm cung, nhóm cầu, và nhóm môi trường hỗ trợ. Các công cụ nhóm cung là các công cụ cung cấp các nguồn lực cơ bản cho đổi mới sáng tạo như các tổ chức đào tạo, các chuyên gia kỹ thuật, mạng lưới thông tin, và hỗ trợ kỹ thuật. Các công cụ này còn bao gồm đổi mới sáng tạo do các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp nhà nước tiến hành từ hỗ trợ tài chính trực tiếp của chính phủ. Các công cụ môi trường hỗ trợ gồm cả môi trường pháp lý. Các công cụ nhóm cầu kích thích phát minh sáng chế thông qua tạo cầu cho sản phẩm/dịch vụ mới từ chi tiêu công cộng.

3. Hạn chế về đổi mới sáng tạo của thành phố Hà Nội

Hạn chế về đổi mới sáng tạo của thành phố Hà Nội được xác định dựa trên các nguồn dữ liệu sơ cấp thu thập từ phỏng vấn sâu các nhà quản lý doanh nghiệp, tọa đàm với các chuyên gia đổi mới sáng tạo, và 360 phiếu phản hồi từ các doanh nghiệp Hà Nội về thực trạng đổi mới sáng tạo, và các nguồn dữ liệu thứ cấp như các báo cáo, nghiên cứu, đánh giá của World Bank, CIEM, OECD, các tổ chức và các nhà nghiên cứu khác. Hạn chế về đổi mới sáng tạo trình bày trong phần này dựa trên quan điểm hệ thống đổi mới sáng tạo và trọng

tâm vào cốt lõi của hệ thống gồm 3 vấn đề: (i) doanh nghiệp đổi mới, (ii) tương tác mạng lưới, (iii) hạ tầng tri thức.

3.1 Hạn chế về năng lực đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp Hà Nội

- Đổi mới sáng tạo sản phẩm của doanh nghiệp Hà Nội chưa cao, nhiều doanh nghiệp da giày và cơ điện tử Hà Nội không thường xuyên đưa sản phẩm mới ra thị trường. Doanh nghiệp chưa xây dựng được thương hiệu mạnh ở cả thị trường trong nước và thị trường quốc tế.
- Các doanh nghiệp Hà Nội chủ yếu tham gia vào các công đoạn gia công, thâm dụng nhiều lao động phổ thông, hàm lượng tri thức thấp, có giá trị gia tăng không cao trong chuỗi giá trị toàn cầu.
- Năng lực đổi mới sáng tạo kỹ thuật bao gồm năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực phát triển quy trình mới, năng lực phát triển các ứng dụng mới, năng lực thiết kế mỹ thuật còn hạn chế.
- Các nhà quản lý cấp cao chưa coi đổi mới sáng tạo là ưu tiên hàng đầu, là năng lực cốt lõi tạo ra lợi thế cạnh tranh. Doanh nghiệp Hà Nội chưa xây dựng được văn hóa đổi mới sáng tạo.
- Đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp Hà Nội mang tính chất lẻ tẻ, manh mún và chưa được quản lý tốt. Những thực tiễn tốt về quản trị đổi mới sáng tạo trên thế giới chưa được áp dụng.
- Phát triển năng lực đổi mới sáng tạo như phát triển nguồn nhân lực, phát triển năng lực khoa học-công nghệ chưa được chú trọng, đầu tư cho nghiên cứu-phát triển thấp. Nghiên cứu-phát triển vẫn chỉ là hoạt động thêm thắt trong các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp Hà Nội thiếu các chuyên gia giỏi đẳng cấp quốc tế, trang thiết bị nghiên cứu-phát triển nghèo nàn chưa đáp ứng được yêu cầu. Chính sách thu hút tài năng bao gồm cả chuyên gia nước ngoài chưa được chú trọng, vấn đề đãi ngộ, và tạo động lực cho nhân tài chưa được quan tâm thích đáng.
- Năng lực hấp thụ và sáng tạo công nghệ mới chưa cao. Năng lực kết hợp các lĩnh vực khoa học-công nghệ có liên quan lại với nhau để sáng tạo công nghệ mới, sản phẩm mới còn hạn chế. Năng lực học hỏi tổ chức và phát triển văn hóa học tập chưa được chú trọng. Chia sẻ tri thức trong doanh nghiệp còn gặp nhiều rào cản.
- Hạn chế trong tương tác mạng lưới
- Mức độ tham gia và kết quả thu được từ tương tác mạng lưới chưa cao. Thông tin, bí quyết, kinh nghiệm hay chưa được các doanh nghiệp chia sẻ. Hợp tác giữa các doanh nghiệp trong nghiên cứu-phát triển sản phẩm mới, công nghệ mới, thị trường xuất khẩu mới hầu như không đáng kể. Học hỏi, sáng tạo tri thức mang tính tập thể chưa cao. Sở dĩ như vậy do thiếu các thiết chế xã hội phù hợp và thiếu sự tin cậy lẫn nhau giữa các doanh nghiệp.
- Chuyển giao tri thức và công nghệ giữa trường đại học và doanh nghiệp chưa mang lại kết quả như mong đợi. Kết quả nghiên cứu của các trường đại học chủ yếu phục vụ cho đội ngũ giáo viên viết bài báo khoa học mà chưa định hướng đến thương mại hóa. Bằng chứng thực nghiệm cho thấy tương tác với trường đại học không có tác động (Nguyen, 2015b) hoặc tác động âm đến đổi mới sáng tạo (Nguyen, 2015a). Nguyên nhân do hệ thống giáo dục-đào tạo chính thức còn nặng về lý thuyết hoặc lạc hậu, không đáp ứng được yêu cầu.
- Tương tác giữa doanh nghiệp với các trung gian khoa học, công nghệ, nghiên

cứu-phát triển chưa hiệu quả. Hoạt động của nhiều trung gian còn mang tính hành chính, còn ưu tiên các mục tiêu chính trị hơn là hỗ trợ và thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

- Tương tác với đối tác nước ngoài và công ty đa quốc gia mang lại hiệu quả chưa cao (Nguyen, 2015a). Các đối tác nước ngoài chủ yếu khai thác lợi thế nguồn nhân công giá rẻ, thị trường nội địa lớn, hạ tầng phát triển chứ chưa chú trọng đầu tư nghiên cứu-phát triển, chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp trong nước. Lý do là tri thức, kinh nghiệm, bí quyết công nghệ là nguồn gốc lợi thế cạnh tranh của các công ty đa quốc gia. Các hiệp hội ngành nghề, diễn đàn, hội thảo tổ chức cho doanh nghiệp trong nước chưa hấp dẫn đối tác nước ngoài tham gia.
- Các cơ quan chính phủ chưa đóng vai trò đòn bẩy tích cực tương tác mạng lưới như cầu nối về thông tin, tri thức, bên thứ ba nhằm giảm thiểu rủi ro, chia sẻ gánh nặng tài chính, tăng cường năng lực cho các chủ thể. Lý do là thiếu các thiết chế xã hội phù hợp liên kết 4 bên. Tạo động lực cho các chủ thể tham gia vào mối liên kết 4 bên còn bất cập.

3.2 Hạn chế về hạ tầng tri thức

- Các mạng lưới và trung tâm thông tin khoa học-công nghệ còn nghèo nàn, lạc hậu và chậm cập nhật. Trong thời đại nền kinh tế tri thức, thông tin và tri thức khoa học-công nghệ là đầu vào trực tiếp của quá trình sản xuất. Nhu cầu thông tin về các công nghệ hiện đại rất lớn. Phát triển xã hội sáng tạo đòi hỏi mọi thành viên phải được tiếp cận một cách thuận tiện, hiệu quả các tri thức khoa học, công nghệ mới, kinh nghiệm hay, thực tiễn tốt tạo

điều kiện cho các chủ thể học hỏi, cải tiến và phát triển mới.

- Doanh nghiệp chưa được tiếp cận dễ dàng kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học, dự án nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm do ngân sách nhà nước hỗ trợ.
- Sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, trung gian khoa học, công nghệ, nghiên cứu-phát triển, trường đại học trong việc phổ biến kết quả nghiên cứu-phát triển đến doanh nghiệp đổi mới chưa được thông suốt. Các bài báo khoa học chủ yếu phục vụ cho công tác đánh giá chất lượng công việc của đội ngũ giảng viên các trường đại học mà chưa hướng đến phổ biến tri thức cho doanh nghiệp đổi mới.
- Cơ sở dữ liệu điện tử về các thành tựu kỹ thuật-công nghệ mới hiện đại trên thế giới chưa được phổ biến rộng rãi. Doanh nghiệp đổi mới chưa tiếp cận dễ dàng thành tựu khoa học-công nghệ nước ngoài. Các trung gian khoa học, công nghệ, nghiên cứu-phát triển chưa đóng vai trò là “kênh kết nối với bên ngoài” phổ biến các thành tựu khoa học, công nghệ mới trên thế giới đến doanh nghiệp.
- Các dịch vụ tư vấn và hỗ trợ, các văn phòng tư vấn chưa đóng góp tích cực vào quá trình đổi mới sáng tạo như thiếu các đầu mối hỗ trợ, thiếu thông tin và hạn chế về chuyên môn.

4. Chính sách đổi mới sáng tạo cho thành phố Hà Nội

Dựa trên khuôn khổ chính sách đổi mới sáng tạo do Rothwell & Zegveld (1981) đưa ra, chính sách đổi mới sáng tạo đề xuất cho thành phố Hà Nội hướng vào khắc phục những hạn chế nêu lên ở phần 3.

Bảng 1: Chính sách đổi mới sáng tạo cho thành phố Hà Nội

Nhóm	Công cụ chính sách	Nội dung
Nhóm cung	Doanh nghiệp nhà nước	Tăng cường năng lực đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp nhà nước. Phát triển các ngành/lĩnh vực mới. Khuyến khích và tiên phong áp dụng công nghệ mới. Tham dự vào doanh nghiệp tư nhân qua chuyển giao công nghệ, góp vốn, liên kết.
	Liên kết mạng lưới và tinh thần sáng tạo	Hỗ trợ thành lập mới doanh nghiệp khoa học công nghệ. Khuyến khích hợp tác 4 bên: nhà nước, doanh nghiệp, trung gian khoa học, công nghệ, nghiên cứu-phát triển, các trường đại học. Hỗ trợ các diễn đàn trao đổi kinh nghiệm, tạo đàm, hội thảo giữa doanh nghiệp trong nước và đối tác nước ngoài. Hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu-phát triển của các trường đại học và các viện nghiên cứu. Tài trợ các dự án hợp tác nghiên cứu-phát triển, chuyển giao công nghệ có tiềm năng thương mại hóa. Khuyến khích tinh thần sáng tạo qua các chương trình đổi mới sáng tạo. Phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo. Phát triển bộ tiêu chí đổi mới sáng tạo. Vinh danh doanh nghiệp đổi mới sáng tạo xuất sắc.
	Khoa học kỹ thuật	Nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo cho các viện nghiên cứu, hỗ trợ các hiệp hội khoa học, xã hội học tập, tổ chức nghề nghiệp. Tài trợ hợp tác nghiên cứu: doanh nghiệp đề xuất, thành phố đồng tài trợ, các viện nghiên cứu và các trường đại học nghiên cứu-phát triển, doanh nghiệp áp dụng và thương mại hóa. Khuyến khích và tài trợ các cuộc thi đổi mới sáng tạo, phát minh sáng chế trong các trường đại học, cao đẳng khối khoa học tự nhiên. Hỗ trợ các sản phẩm dịch vụ khoa học-công nghệ. Tài trợ nghiên cứu khoa học-công nghệ có tiềm năng thương mại hóa.
	Giáo dục đào tạo	Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đẳng cấp quốc tế: tài trợ doanh nghiệp cử cán bộ khoa học-công nghệ đi học tập, nghiên cứu tại các tập đoàn nước ngoài. Hỗ trợ doanh nghiệp mời chuyên gia nước ngoài tư vấn, chuyển giao công nghệ, đào tạo. Hỗ trợ đào tạo cơ bản, đào tạo kỹ thuật, thực tập cho các doanh nghiệp khoa học công nghệ mới thành lập. Hỗ trợ đào tạo liên tục, đào tạo lại, cập nhật kiến thức

Môi trường hỗ trợ		cho những lĩnh vực tiến bộ khoa học công nghệ diễn ra nhanh. Hỗ trợ đào tạo <i>Quản trị đổi mới sáng tạo</i> cho các nhà quản lý doanh nghiệp.
	Thông tin	Nâng cấp các mạng lưới/trung tâm thông tin, thư viện, dịch vụ tư vấn/hỗ trợ, cơ sở dữ liệu điện tử.
	Tài chính	Tài trợ, cho vay, trợ cấp, các thỏa thuận hợp tác 4 bên, cung cấp trang thiết bị văn phòng, dịch vụ, bảo lãnh vay, tín dụng xuất khẩu các sản phẩm đổi mới sáng tạo.
	Thuế	Ưu đãi, giảm trừ, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế gián tiếp cho những lĩnh vực mới ưu tiên. Miễn giảm thuế thu nhập cá nhân cho chuyên gia công nghệ cao nhằm thu hút nhân tài.
Nhóm cầu	Quy định luật pháp	Bản quyền, các quy định về sức khỏe, môi trường, cạnh tranh, giám sát tuân thủ. Hướng dẫn về hợp tác bốn bên, tài trợ, chuyển nhượng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học.
	Chính trị	Kế hoạch, chính sách phát triển địa phương, khuyến khích hợp tác, tham vấn xã hội.
	Mua sắm công	Mua sắm công khuyến khích phát triển sản phẩm mới, sản phẩm thay thế nhập khẩu, tăng tỷ lệ nội địa hóa. Các hợp đồng nghiên cứu-phát triển. Mua sắm công các sản phẩm mới chế thử nhằm tạo thị trường cho đổi mới sáng tạo.
	Dịch vụ công	Mua sắm, bảo dưỡng, bảo trì, đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực y tế, nhà ở công cộng, xây dựng, giao thông vận tải liên lạc.

5. Kết luận

Mục tiêu của bài viết là đề xuất khuôn khổ chính sách đổi mới sáng tạo cho thành phố Hà Nội. Bài viết đã tiến hành tổng kết cơ sở lý luận về chính sách đổi mới sáng tạo bao gồm khái niệm, bản chất, vai trò của các chủ thể trong hệ thống đổi mới sáng tạo, vai trò của chính sách đổi mới sáng tạo. Bài viết đã phân tích hạn chế về đổi mới sáng tạo của thành phố Hà Nội trên quan điểm hệ thống đổi mới sáng tạo để làm căn cứ cho việc đề xuất các chính sách đổi mới sáng tạo. Những chính sách đổi mới sáng tạo đề xuất không mang tính cứng nhắc mà nên được coi là những chỉ dẫn có tính định hướng. Các chính sách đổi mới sáng tạo cụ thể thực thi trong thực tế còn phải trải qua quá trình thảo luận giữa các cơ quan hữu quan

của thành phố và với các chủ thể liên quan. Một chính sách đổi mới sáng tạo nhất định nào đó được thực thi còn tùy thuộc vào điều kiện cụ thể như năng lực và mong đợi của các chủ thể liên quan, và đặc biệt là nguồn lực của thành phố dành cho đổi mới sáng tạo.

Hiệu quả của chính sách can thiệp của thành phố vào các hoạt động đổi mới sáng tạo là một vấn đề lớn, phức tạp và khó có thể đánh giá một cách chính xác. Nhiều chính sách đổi mới sáng tạo có liên quan chặt chẽ với nhau và các hệ thống đổi mới sáng tạo rất phức tạp và vận động không ngừng. Tuy nhiên chính sách đổi mới sáng tạo đúng đắn sẽ mang lại nhiều lợi ích to lớn cho xã hội thông qua nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Học hỏi và áp dụng sáng tạo các thực

tiến chính sách đổi mới sáng tạo tốt trên thế giới vào điều kiện cụ thể của thành phố là một nhân tố góp phần quan trọng vào thúc đẩy các hoạt động đổi mới sáng tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bathelt, H., Malmberg, A., và Maskell, P., 2004. Clusters and knowledge: local buzz, global pipelines and the process of knowledge creation. *Progress in Human Geography*, số 28, tập 1, tr. 31-56.
- Becheikh, N., ; Landry, R., và Amara, N., 2006. Lessons from innovation empirical studies in the manufacturing sector: *A systematic review of the literature from 1993-2003*. *Technovation*, số 26, tr. 644-664.
- Bigliardi, B., và Dormio, A. I., 2009. An empirical investigation of innovation determinants in food machinery enterprises. *European Journal of Innovation Management*, số 12, tập 2, tr. 223-242.
- Borrás, S., và Edquist, C., 2013. The choice of innovation policy instruments. *Technological Forecasting & Social Change*, số 80, tr. 1513-1522.
- Cavusgil, S.T, Calantone R.J, và Zhao. Y., 2003. Tacit knowledge transfer and firm innovation capability. *Journal of Business & Industrial marketing*, số 18, tr. 6-21.
- Edquist, C., 2001. The Systems of Innovation Approach and Innovation Policy: An account of the state of the art. Lead paper presented at the DRUID Conference, Aalborg, June 12-15, 2001, under theme F: 'National Systems of Innovation, Institutions and Public Policies'.
- Edquist, C., 2005. Systems of innovation: perspectives and challenges. In: Fagerberg, J., Mowery, DC. & Nelson, RR. (Eds.), *The Oxford handbook of innovation*, New York, Oxford University Press, tr. 181-208.
- Fagerberg, J., và Godinho, M. M., 2004. Innovation and Catching-up. In J. Fagerberg, D.C. Mowery and F.D. Nelson (Eds), *Oxford Handbook of Innovation* (tr. 514-542), Oxford: Oxford University Press.
- Love, J. H., và Roper, S., 1999. The Determinants of Innovation: R & D, Technology Transfer and Networking Effects. *Review of Industrial Organization*, số 15, tập 1, tr. 43-64.
- Lundvall, B. A., 2007. National Innovation Systems-Analytical Concept and Development Tool. *Industry and Innovation*, số 14, tập 1, tr. 95-119.
- Nguyen, Q. D., 2015a. Determinants of innovation of software firms in Viet Nam. *Asian Research Journal of Business Management*, số 3, tập 2, tr. 77-97.
- Nguyen, Q. D., 2015b. Determinants of innovation of Hanoi leather and footwear firms. Paper presented at The 32nd Annual Pan-Pacific Conference in Hanoi, Vietnam, June 1-3, 2015, under theme WP13: "Innovation for Corporate Competitiveness".